TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **77**/2024/HS-ST
Ngày 23/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân và ông Nguyễn Danh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/HSST-QĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, đối với:

**** Bị cáo:*** **Bàn Văn T**, sinh ngày 17/12/1996 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Giới tính: Nam; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bàn Văn T1, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Lương Hữu C, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Chị Lưu Thị Thúy Q, sinh năm 2003; Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

3. Anh Phạm Tuấn V, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

4. Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 01 năm 2024, bị cáo Bàn Văn T đã sử dụng tiền của mình cho nhiều người trên địa bàn huyện S vay với mức lãi suất cao, để thu lợi bất chính. Việc cho vay và nhận tiền lãi bằng tài khoản ngân hàng, gồm: 01 tài khoản ngân hàng V1 số 08132333238; 01 tài khoản ngân hàng T4 số 19037339627012 mang tên Bàn Văn T và 01 tài khoản ngân hàng V2 số 9359452268 được đăng ký tên Phạm Văn T3. Khi vay tiền người vay nhắn tin, gọi điện qua ứng dụng Messenger mạng xã hội Facebook để thỏa thuận số tiền vay, thời gian vay, mức lãi suất và hình thức trả lãi. T đã sử dụng số tiền 158.000.000 đồng của mình để quay vòng cho vay lãi, cụ thể như sau:

1. Cho anh Lương Hữu C vay tiền hai lần, lãi suất là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tính theo chu kỳ 30 ngày trả tiền lãi một lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 18/01/2023, T cho C vay số tiền 10.000.000 đồng. T đưa cho Căn số tiền 8.200.000 đồng, T cắt tiền lãi số tiền 1.800.000 đồng của tháng đầu. Đến ngày 21/6/2023, C đã trả đủ số tiền vay gốc 10.000.000 đồng. Thời gian vay là 150 ngày, tổng số tiền lãi T đã thu là 9.000.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 422.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 8.178.000 đồng).

- Lần 2: Ngày 24/6/2023, cho C vay thêm 5.000.000 đồng, T cắt lãi trước số tiền 900.000 đồng của tháng đầu. Đến ngày 24/01/2024, C đã trả đủ số tiền vay gốc 5.000.000 đồng. Thời gian vay là 180 ngày, tổng số tiền lãi T đã thu là 5.400.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 493.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 4.907.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền T cho C vay là 15.000.000 đồng, tổng số tiền lãi T đã thu là 14.400.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 1.315.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 13.085.000 đồng). C đã trả cho T số tiền vay gốc 15.000.000 đồng.

2. Tháng 4/2023, T cho Lưu Thị Thúy Q vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tính lãi theo chu kỳ 30 ngày trả lãi một lần. T cắt lãi trước số tiền 1.200.000 đồng của tháng đầu. T chuyển khoản cho Q 8.800.000 đồng. Đến ngày 28/7/2023, Q đã trả đủ cho T số tiền vay gốc 10.000.000 đồng. Thời gian vay là 90 ngày, tổng số tiền lãi T đã thu là 3.600.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 493.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 3.107.000 đồng).

3. Cho anh Phạm Tuấn V vay tiền 09 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 15/10/2021, T cho V vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T cắt lãi trước số tiền 1.800.000 đồng của tháng đầu. T chuyển khoản cho V số tiền 13.200.000 đồng. Đến ngày 27/11/2021, V đã trả đủ cho T số tiền vay gốc 15.000.000 đồng. Thời gian vay 41 ngày, tổng số tiền lãi T đã thu là 2.460.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 337.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 2.123.000 đồng).

- Lần 2: Ngày 16/01/2023, T cho V vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T cắt lãi trước số tiền 2.400.000 đồng của tháng đầu. T chuyển khoản cho V 17.600.000 đồng. Đến ngày 17/4/2023, V đã trả đủ cho T số tiền vay gốc 20.000.000 đồng. Thời gian vay 92 ngày, tổng số tiền lãi T đã thu là

7.320.000 đồng (Tiền lãi theo quy định 1.008.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 6.312.000 đồng).

- Lần 3: T cho V vay tiền thành 02 khoản khác nhau, cụ thể:

+ Ngày 20/4/2023, T cho V vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; T cắt lãi trước số tiền 3.000.000 đồng của tháng đầu. T chuyển khoản cho V 17.000.000 đồng; các tháng tiếp theo T thu tiền lãi vào ngày đầu tiên của tháng. Đến ngày 06/10/2023, V đã trả đủ cho T số tiền vay gốc 20.000.000 đồng. Thời gian vay 154 ngày, tổng số tiền lãi T đã thu là 15.400.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 1.688.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 13.712.000 đồng).

+ Ngày 20/4/2023, T cho V vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày (hình thức bốc bát họ), Trọng thu của V 1.000.000 đồng tiền phí mở bát họ. V đã trả đủ số tiền gốc cho T và trả thêm 1.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền phí và tiền lãi là 2.000.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 68.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 1.932.000 đồng).

- Lần 4: Ngày 03/8/2023, T cho V vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T cắt lãi trước số tiền 3.600.000 đồng của tháng đầu. T chuyển khoản cho V 16.400.000 đồng. Đầu tháng 11/2023, V đã trả đủ cho T số tiền vay gốc 20.000.000 đồng. Thời gian vay 60 ngày, tổng số tiền lãi T thu được là 7.200.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 658.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 6.542.000 đồng).

- Lần 5: Ngày 14/10/2023, T cho V vay số tiền là 13.000.000 đồng, thỏa thuận trả hết trong vòng 05 ngày và tiền lãi là 1.000.000 đồng. Ngày 16/10/2023, V đã trả cho T số tiền vay gốc 13.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 36.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 964.000 đồng).

- Lần 6: Ngày 20/10/2023, T cho V vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận trả trong 10 ngày, T cắt trước tiền lãi 600.000 đồng, chuyển khoản cho V 9.400.000 đồng. Đến ngày 02/11/2023, V đã trả đủ cho T số tiền vay gốc 10.000.000 đồng, do quá hạn 04 ngày nên T thu lãi thêm 400.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 77.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 923.000 đồng).

- Lần 7: Ngày 04/11/2023, T cho V vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T yêu cầu V để lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave để làm tin. T cắt trước số tiền lãi là 1.200.000 đồng. T chuyển khoản cho V 8.800.000 đồng. Ngày 27/11/2023, V đã trả đủ cho T số tiền vay gốc 10.000.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 1.200.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 164.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 1.036.000 đồng).

- Lần 8: Ngày 15/12/2023, T cho V vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T cắt trước tiền lãi 10 ngày là 600.000 đồng, chuyển khoản cho V 9.400.000 đồng. Ngày 04/01/2024, V đã trả đủ cho T số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và trả thêm 660.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi T thu được là 1.260.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 115.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 1.145.000 đồng).

- Lần 9: Ngày 01/01/2024, T cho V vay số tiền là 10.000.000 đồng, trong vòng 04 ngày, T yêu cầu V để lại 01 (một) xe mô tô để làm tin. Ngày 04/01/2024, V đã trả

đủ cho T số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng, tương đương với 25.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày), trong đó tiền lãi theo quy định 22.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 978.000 đồng.

Tổng số tiền gốc T cho V vay là 133.000.000 đồng, số tiền lãi T thu được là 39.840.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 4.490.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 35.350.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền Bàn Văn T đã sử dụng cho Lương Hữu C, Lưu Thị Thúy Q và Phạm Tuấn V vay lãi là 158.000.000 đồng, mức lãi suất từ 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 25.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 57.840.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 5.981.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 51.859.000 đồng). Tương đương mức lãi suất từ 145,2%/năm đến 912,5%/năm, gấp 7,26 lần đến 45,625 lần so với lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu vàng đồng (Gold), điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong điện thoại lắp sim số thuê bao 0813.233.323 của Bàn Văn T.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 58/CT-VKSSD ngày 04 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Bàn Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bàn Văn Trọng phạm t "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bàn Văn T từ 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 47 - Bộ luật Hình sự; Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước số tiền 163.981.000 đồng (trong đó tiền gốc là là 158.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định là 5.981.000 đồng). Tịch thu của bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu vàng đồng (Gold), điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong điện thoại lắp sim số thuê bao 0813.233.323 sung quỹ Nhà nước. Tuyên bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi do bị cáo thu lợi bất chính theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bàn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo; bị cáo nhất trí tự nguyện trả lại số tiền lãi đã thu cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận

thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Bàn Văn T tiếp tục khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua lời khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 01/2024, bị cáo Bàn Văn T đã có hành vi sử dụng số tiền 158.000.000 đồng của mình cho ba người vay để thu lời bất chính, với mức lãi suất từ 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 25.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 57.840.000 đồng (Trong đó: Tiền lãi theo quy định 5.981.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 51.859.000 đồng). Tương đương mức lãi suất từ 145,2%/năm đến 912,5%/năm, gấp 7,26 lần đến 45,625 lần so với lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

1. Cho anh Lương Hữu C vay hai lần, tổng số tiền gốc là 15.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 14.400.000 đồng (trong đó tiền lãi theo quy định 1.315.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 13.085.000 đồng).

2. Cho chị Lưu Thị Thúy Q vay một lần, số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 3.600.000 đồng (Trong đó tiền lãi theo quy định 493.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 3.107.000 đồng).

3. Cho anh Phạm Tuấn V vay tiền 09 lần, tổng số tiền là 133.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 39.840.000 đồng (Trong đó tiền lãi theo quy định 4.490.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 35.350.000 đồng).

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, và đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự hưởng lợi 51.859.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố bị cáo Bàn Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 - Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bàn Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo;

[3]. Về mức án đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Khi phạm tội bị cáo biết rõ hành vi cho vay tiền với lãi suất cao như vậy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm nhưng vì vụ lợi cá nhân vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Động cơ phạm tội là vụ lợi nhằm thu lợi bất chính cho bản thân. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi lượng hình HĐXX thấy rằng, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, ngoài hành vi phạm tội lần này không có hành vi phạm tội nào khác. Do vậy, cần xem xét áp dụng cho bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

Xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ sức dăn đe giáo dục đối với bị cáo. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã tạm giữ của bị cáo Bàn Văn T 01 điện thoại IPHONE, vỏ màu vàng đồng (Gold), điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong điện thoại lắp sim số thuê bao 0813.233.323 đây là vật chứng của vụ án bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về số tiền sử dụng vào việc phạm tội và thu lợi bất chính:

6.1. Đối với số tiền gốc 158.000.000 đồng bị cáo cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay. Đây là số tiền bị cáo dùng làm công cụ phạm tội nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

6.2. Đối với số tiền lãi theo quy định bị cáo đã thu 5.981.000 đồng, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

6.3. Đối với số tiền lãi vượt quá quy định, tại phiên tòa bị cáo nhất trí hoàn trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, đây là khoản tiền lãi bị cáo thu trái pháp luật, hưởng lợi bất chính nên bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận, cụ thể: Bị cáo có nghĩa vụ trả lại anh cho anh Lương Hữu Căn s tiền 13.085.000 đồng (mười ba triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng), cho chị Lưu Thị Thúy Q số tiền 3.107.000 đồng (ba triệu một trăm linh bảy nghìn đồng), cho anh Phạm Tuấn V số tiền 35.350.000 đồng (ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với anh Phạm Văn T3 không tham gia, không biết việc bị cáo T sử dụng tài khoản cá nhân của mình vào việc cho vay lãi, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Bàn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 - Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn Trọng phạm t *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Xử phạt: phạt tiền Bị cáo Bàn Văn T **70.000.000 đồng** (bảy mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ Điều 47, 48 - Bộ luật Hình sự; Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357 - Bộ luật Dân sự.

2.1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động IPHONE, vỏ màu vàng đồng (Gold), điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong điện thoại lắp sim số thuê bao 0813.233.323 đã qua sử dụng của bị cáo Bàn Văn T là vật chứng của vụ án dùng vào việc phạm tội.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2024 giữa Công an huyện S với Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương).

2.2. Truy thu của bị cáo Bàn Văn T 158.000.000 đồng tiền gốc và 5.981.000 đồng tiền lãi theo quy định do phạm tội mà có, tổng cộng 163.981.000 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.3. Bị cáo Bàn Văn T có nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi do thu lợi bất chính cụ thể:

- Trả lại cho anh Lương Hữu Căn s tiền 13.085.000 đồng (mười ba triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại cho chị Lưu Thị Thúy Q số tiền 3.107.000 đồng (ba triệu một trăm linh bảy nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Phạm Tuấn V số tiền 35.350.000 đồng (ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo chậm trả tiền thì phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ vào: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí: Bị cáo Bàn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Q vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã Tú Thịnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan THA HS huyện SD;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến